

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 13 - 01 - 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quốc Cường
Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: 1/ Bà Phan Thị P (vắng mặt)

2/ Ông Hà Thanh H (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Văn B, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

2/ Ông Hà Hoàng M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Bà L là nguyên đơn trình bày yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết gồm:

Khoản tiền bán thức ăn gia súc: Năm 2019 vợ chồng bà có đến ấp 18, xã Biển Bạch để thuê phần đất mở cơ sở chế biến thức ăn gia súc. Do không quen biết trên địa bàn xã, huyện Thới Bình nên bà có nhờ ông Hà Thanh H tìm đầu ra để bán sau khi chế biến thức ăn, cả hai bên có hợp tác làm ăn. Đến cuối năm 2019, vợ chồng bà nghỉ kinh doanh trở về nhà huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nên có gửi lại số thức ăn gia súc khoảng 6-7 tấn nhờ ông H bán dùm, ông H đồng ý. Sau khi ông H bán hết số thức ăn gia súc đã gửi lại thì bà có hỏi ông H và yêu cầu đưa tiền cho bà thì ông H cho rằng đã bán hết nhưng chưa thu được tiền. Nhưng thực tế

ông H đã thu được tiền bán thức ăn trên và sử dụng không trả cho bà. Sau đó, hai bên gặp nhau vào ngày 13/10/2020 bà có viết biên nhận cho bài P, ông H cùng chốt lại số tiền mua bán thức ăn bà đã nhận được 52.000.000đ nên còn nợ lại số tiền là 32.000.000đ và ông H, bài P thỏa thuận sẽ trả lãi như tiền vay, nhưng không thực hiện cho đến nay. Do đó, bà yêu cầu vợ chồng ông H, bài P trả tiền nợ gửi bán thức ăn cho bà là 32.000.000đ, không tính lãi.

Khoản tiền vay: Năm 2019, khi làm ăn chung vợ chồng bà có cho ông H, bài P vay số tiền 20.000.000đ. Quá trình vay bài P có trả lãi được 2.400.000đ. Đến ngày 13/10/2020 bài P đã thanh toán số tiền 10.000.000đ, còn nợ lại 10.000.000đ. Bà có viết biên nhận cho bài P, ông H (cùng chốt lại chung với số tiền mua bán thức ăn đã nhận 52.000.000đ). Hai bên thỏa thuận bài P lãi suất từ ngày 13/10/2020 là 600.000đ/tháng/10.000.000đ, nhưng bài P không thực hiện. Nay bà yêu cầu ông H, bài P trả tiền vốn vay 10.000.000đ, không tính lãi.

Khoản tiền bán giá trị căn nhà xưởng: Năm 2020, khi vợ chồng bà nghỉ kinh doanh về Năm Căn có bán giá trị căn nhà xưởng (là cơ sở chế biến thức ăn) và đồ dùng cho anh M là con của ông H, bài P với số tiền 75.000.000đ, đã thanh toán số tiền 40.000.000đ, còn nợ 35.000.000đ. Do bài P nhận nợ thay cho anh M nên yêu cầu ông H, bài P trả số tiền 35.000.000đ.

Tổng cộng, bà yêu cầu ông H, bài P phải thanh toán số tiền 77.000.000đ. Trong đó, tiền vay là 10.000.000đ; tiền gửi bán thức ăn gia súc còn nợ 32.000.000đ; số tiền bán giá trị kiến trúc căn nhà xưởng và đồ dùng còn nợ là 35.000.000đ.

Ông H là bị đơn trình bày: Vào năm 2019, ông cùng với ông Bách (Bắc) chồng bà L có đến ấp 18 (ấp Thanh Tùng), xã Biển Bạch, huyện Thới Bình thuê mặt bằng làm cơ sở chế biến gia công thức ăn gia súc, hợp đồng thuê 05 năm. Hai bên thỏa thuận thuê mặt bằng chia làm 02 để mỗi người tự làm. Do không biết đầu bán ra cho sản phẩm nên ông B nhờ ông liên hệ bán dùm. Sau khi bán đem toa về trừ chi phí và chia lợi nhuận. Năm 2020 do tình hình dịch bệnh, ông B về huyện Năm Căn nên có gửi cho ông bán dùm khoảng 6,5 tấn thức ăn gia súc. Khi gửi bán ông B có tạm ứng của ông số tiền 20.000.000đ. Ông đã bán được số tiền 78.000.000đ, trừ chi phí 5.000.000đ, còn lại 73.000.000đ. Sau khi bán được thức ăn, trừ đi số tiền ông B đã tạm ứng 20.000.000đ thì ông đã đưa thêm cho ông B nhiều lần số tiền 52.000.000đ (ông gửi tiền vào tài khoản nhiều lần cho ông B, đến ngày 13/10/2020 hai bên gặp nhau chốt lại tổng số tiền ông đã chuyển trả là 52.000.000đ). Ông xác định số tiền bán dùm thức ăn gia súc cho ông B là 73.000.000đ, đã trả được 72.000.000đ, còn nợ là 1.000.000đ. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà L vợ ông B yêu cầu trả số tiền 32.000.000đ.

Đối với số tiền vay: Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay 20.000.000đ như bà L trình bày, vợ chồng ông đã trả được 10.000.000đ, còn nợ số tiền 10.000.000đ, quá trình vay có trả lãi đầy đủ. Nay ông đồng ý trả tiền nợ vay là 10.000.000đ và lãi.

Đối với số tiền mua bán nhà xưởng (cơ sở chế biến thức ăn): Theo bà L trình bày là có xảy ra, nhưng bà L, ông B trực tiếp giao dịch mua bán với con của ông là Hà Hoàng M (đang làm trại giống Hai T). Tuy nhiên, ông có biết số tiền chuyển nhượng là 75.000.000đ, anh M đã trả trước 40.000.000đ, còn nợ lại

35.000.000đ. Xác định đây là khoản nợ của anh M thì anh M có trách nhiệm trả nên ông không đồng ý trả theo yêu cầu của bà L.

Như vậy, ông xác định chỉ còn nợ và đồng ý trả cho bà L, ông B số tiền 11.000.000đ. Trong đó, tiền vay còn nợ 10.000.000đ và tiền mua bán dùm thức ăn gia súc còn nợ là 1.000.000đ. Ngoài ra, không đồng ý trả khoản nào khác.

Bà P (vợ ông H) là bị đơn trình bày: Bà thống nhất theo trình bày của ông H về khoản mua bán tiền thức ăn, tiền vay và đồng ý trả. Đối với phần mua bán nhà xưởng bà không tham gia nên không đồng ý trả.

Ông B (Bách) chồng bà L là người có quyền lợi liên quan trình bày: Vào khoảng tháng 8 năm 2019 âl, ông và ông H có cùng nhau thuê phần đất mặt tiền tại ấp Thanh Tùng (ấp 18), xã Biển Bạch để làm cơ sở chế biến nguyên liệu thức ăn gia súc. Khoảng gần cuối năm 2019 khi nghỉ kinh doanh, đầu bán ra khó khăn nên ông có nhờ ông H liên hệ bán dùm khoảng 6,5 tấn nguyên liệu thức ăn gia súc còn lại (người mua tên Vinh ở TT Sông Đốc), giá sau khi trừ xe là 14.000đ/kg. Sau đó, ông có bớt giá xuống còn 13.000đ/kg, tổng số tiền bán nguyên liệu thức ăn sau khi đã trừ chi phí bằng: $13.000\text{đ/kg} \times 6,5 \text{ tấn} = 84.500.000\text{đ}$.

Khi gửi bán thức ăn gia súc, ông có ứng trước của ông H số tiền 20.000.000đ, lần 2 ông đến lấy tiền trực tiếp của ông Vinh 12.000.000đ, lần thứ 3 ông H đưa cho ông số tiền 10.000.000đ, lần thứ 4 ông H đưa thêm 10.000.000đ. Tổng số tiền ông đã nhận của vợ chồng ông H là 52.000.000đ và bà L có làm biên nhận chốt lại số tiền trên vào ngày 13/10/2020 âl, bà L là người trực tiếp viết biên nhận. Vậy số tiền ông H, bà P còn thiếu lại ông là 32.500.000đ, ông tính tròn là 32.000.000đ. Trong quá trình gửi nguyên liệu, thức ăn cho ông H bán thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không có làm hợp đồng hay giấy tờ. Đến ngày 13/10/2020 âl bà L gặp vợ chồng ông H có chốt lại số tiền bán thức ăn đã nhận 52.000.000đ, vay còn 10.000.000đ.

Đối với khoản vay: Trước khi ông cùng ông H thuê đất làm cơ sở chế biến thức ăn thì vợ chồng ông và vợ chồng ông H có đến gặp ông Trần Văn Đức (Đàm Dơi) để vay số tiền 60.000.000đ làm vốn, ông là người trực tiếp nhận tiền. Sau đó về nhà thì bà L đưa tiền cho bà P 20.000.000đ (chia khoản vay) không có làm biên nhận. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 300.000đ/10.000.000đ/tháng. Đến tháng 9/2020 bà P trả cho vợ chồng ông 10.000.000đ và tiền lãi, còn nợ lại 10.000.000đ. Từ tháng 9/2020 hai bên thỏa thuận lãi suất 600.000đ/10.000.000đ/tháng, nhưng không thực hiện. Nay ông yêu cầu trả số tiền vay là 10.000.000đ, không tính lãi.

Đối với khoản mua bán nhà xưởng: Ngày 10/01/2020 âl, ông có trực tiếp giao dịch bán nhà xưởng làm cơ sở chế biến thức ăn gia súc cho anh Hà Hoàng M (con ông H, bà P) với giá 75.000.000đ, anh M đã trả trước 40.000.000đ, còn nợ là 35.000.000đ, đến nay anh M vẫn chưa thanh toán. Vào ngày 02/3/2020 âl, vợ chồng ông có đến gặp anh M để yêu cầu thanh toán số tiền còn lại thì bà P đứng ra bảo lãnh nhận nợ thay anh M và bà P làm biên nhận số tiền là 35.000.000đ. Do đó, ông yêu cầu bà P phải trả số tiền 35.000.000đ.

Như vậy, ông H, bà P còn nợ vợ chồng ông tổng số tiền là 77.000.000đ (trong đó: Tiền thức ăn gửi bán còn nợ 32.000.000đ, tiền vay còn nợ 10.000.000đ,

tiền mua nhà xưởng còn nợ 35.000.000đ). Nay ông yêu cầu ông H và bà P thanh toán cho vợ chồng ông số tiền trên, không yêu cầu tính lãi.

Đối với việc bà P, ông H không đồng ý thanh toán số tiền mua bán nhà xưởng còn lại 35.000.000đ. Cho rằng anh M là người trực tiếp thỏa thuận mua bán nhà xưởng thì anh M có nghĩa vụ thanh toán thì ông không đồng ý, do bà P là người thừa nhận nợ thay cho anh M và trực tiếp ký vào biên nhận nên bà P phải có nghĩa vụ trả.

Anh M là người có quyền lợi liên quan trình bày: Vào tháng 01 năm 2020, anh và ông B có thỏa thuận, anh nhận chuyển nhượng lại giá trị nhà xưởng làm cơ sở chế biến nhiên liệu thức ăn của ông B, khi chuyển nhượng ông B nói với anh thời gian thuê 05 năm, ông B đã sử dụng hơn 01 năm, thời gian còn lại hơn 03 năm nên đồng ý chuyển nhượng số tiền là 75.000.000đ, anh đã giao cho ông B số tiền 40.000.000đ, còn nợ lại 35.000.000đ.

Sau khi chuyển nhượng, anh sử dụng khoảng 02 tháng thì chính quyền địa phương không cho anh sản xuất, anh mới phát hiện trước đó người dân xung quanh có gởi đơn yêu cầu phản ánh, do ông B sản xuất làm ô nhiễm môi trường. Như vậy, anh mới nhận nhà xưởng và sử dụng được 02 tháng thì ngưng không sản xuất được nữa. Ông B là người vi phạm hợp đồng với anh, do thỏa thuận anh được sử dụng hơn 03 năm, nhưng khi sử dụng 02 tháng thì bị ngưng, anh đã không thể sản xuất được. Nay anh vẫn thừa nhận còn nợ ông B số tiền 35.000.000đ, nhưng đây là khoản nợ giữa anh và ông B, anh có trách nhiệm trả. Trường hợp ông B muốn yêu cầu thanh toán thì yêu cầu trực tiếp với anh, bà P không có liên quan nên không có nghĩa vụ thanh toán số tiền này. Bà P ký biên nhận khoản nợ trên do anh thường đi làm, không có nhà nên khi vợ chồng ông B đến đòi thì bà P ký để vợ chồng ông B ra về.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn là bà Trần Thị L và bị đơn là ông Hà Thanh H, bà Phan Thị P thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản; Ông H, bà P là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 18, xã Biên Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông H, bà P vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 và anh M có ý kiến xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tên Vinh các đương sự khai nhận không biết rõ họ tên, địa chỉ nên không tiến hành xác minh làm việc và đưa vào tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản. Khi giao kết hợp đồng mua bán và vay tài sản các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, sau đó chốt lại ghi giấy theo dõi, bằng biên nhận không có xác lập hợp đồng bằng văn bản. Do đó, căn cứ vào biên nhận viết tay mà các đương sự cung cấp và lời thừa nhận, xác nhận của các đương sự trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa để làm cơ sở giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Xem xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản vay tài sản: Vợ chồng ông B, bà L và vợ chồng ông H, bà P đều xác nhận việc vay nợ giữa hai bên là có xảy ra, số tiền ban đầu vợ chồng ông H, bà P vay là 20.000.000đ có thỏa thuận lãi suất, đôi bên đã thống nhất số tiền đã thanh toán vốn, lãi và còn nợ lại số tiền 10.000.000đ. Nay vợ chồng ông B, bà L yêu cầu vợ chồng ông H, bà P thanh toán số tiền 10.000.000đ, không yêu cầu tính lãi và vợ ông H, bà P đồng ý, không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông H, bà P phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông B, bà L số tiền vay là 10.000.000đ.

[5] Xem xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gửi mua bán nguyên liệu, thức ăn gia súc: Theo lời trình bày của các đương sự về việc gửi bán thức ăn gia súc là có xảy ra, thống nhất về số lượng, không thống nhất về giá, chỉ nói miệng, không lập hợp đồng bằng văn bản. Về số lượng mà ông H và ông B là người trực tiếp giao nhận đều xác nhận khoảng 6,5 tấn thức ăn gia súc, khi giao nhận đôi bên không ấn định trước giá gửi bán là bao nhiêu, tổng thành tiền là bao nhiêu, chỉ yêu cầu bán dùm rồi giao lại tiền sau khi trừ đi chi phí. Như vậy, theo thỏa thuận ông H, bà P là bên nhận bán dùm thức ăn gia súc nên có trách nhiệm giao khoản tiền bán được cho vợ chồng ông B, bà L. Tuy nhiên, đôi bên trình bày có sự mâu thuẫn về số tiền bán được, số tiền đã thanh toán cho nhau và số tiền còn nợ lại.

Ông B, bà L xác định số lượng gửi khoảng 6,5 tấn nguyên liệu thức ăn gia súc, giá sau khi trừ tiền xe là 14.000đ/kg, sau đó giảm xuống còn 13.000đ/kg x 6,5 tấn = 84.500.000đ. Xác nhận ông H, bà P đã thanh toán được 52.000.000đ theo biên nhận chốt lại ngày 13/10, còn lại là 32.500.000đ, ông tính tròn là 32.000.000đ. Sau khi gửi bán được thức ăn thì ông B mới quy ra giá để tính tiền chứ không có tài liệu, chứng cứ thể hiện trước khi gửi bán ấn định giá bán là bao nhiêu.

Ông H, bà P thừa nhận có nhận số lượng thức ăn gia súc khoảng 6,5 tấn đã bán được số tiền 78.000.000đ, trừ chi phí 5.000.000đ, còn lại 73.000.000đ. Sau khi bán được thức ăn, đã thanh toán nhiều đợt cho vợ chồng ông B, bà L số tiền 52.000.000đ theo giấy ghi nhận ngày 13/10, cộng với số tiền đã tạm ứng trước ngày 02/3 là 20.000.000đ, tổng cộng đã trả được số tiền 72.000.000đ, còn nợ là 1.000.000đ.

[5.1] Xét thấy, về số lượng khoảng 6,5 tấn nguyên liệu thức ăn gia súc gửi bán đôi bên xác nhận tương đối khớp nhau nên xác định làm căn cứ, nhưng giá bán và số tiền bán được không khớp nhau, các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc thỏa thuận giá trước khi gửi bán mỗi kg là bao nhiêu, tổng số tiền của 6,5 tấn là bao nhiêu, ông B, bà L chỉ giao gửi khoản cho ông H liên hệ để bán, sau khi bán được trừ chi phí thì giao số tiền còn lại. Do các bên không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh giá bán 6,5 tấn nguyên liệu thức ăn là bao nhiêu tiền

nên chấp nhận sự thừa nhận của ông H là người trực tiếp thực hiện việc bán 6,5 tấn thức ăn gia súc với số tiền là 78.000.000đ, trừ chi phí 5.000.000đ, còn lại 73.000.000đ. Như vậy, vợ chồng ông H, bà P có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông B, bà L số tiền 73.000.000đ là phù hợp.

[5.2] Đối với vợ chồng ông H, bà P xác định đã thanh toán cho vợ chồng ông B, bà L số tiền là 72.000.000đ là chưa phù hợp. Theo xác nhận của vợ chồng ông B, bà L và biên nhận thể hiện có ứng trước số tiền 20.000.000đ là có cơ sở. Đối với số tiền 52.000.000đ mà vợ chồng ông H, bà P cho rằng ngoài số tiền tạm ứng trước còn đưa thêm nhiều lần, chuyển khoản nhưng không có biên nhận hay tài liệu chứng minh. Theo xác nhận của vợ chồng ông B, bà L thì ngoài số tiền đã ứng trước là 20.000.000đ, sau đó vợ chồng ông H, bà P đưa thêm hai lần 20.000.000đ và ông B tự đến nhận của người mua hàng 12.000.000đ, tổng cộng đã nhận số tiền 52.000.000đ của vợ chồng ông H, bà P trả là phù hợp với biên nhận mà bà L viết ngày 13/10/2020 al cho bà P, biên nhận thể hiện chốt nợ đã nhận số tiền gửi bán thức ăn là 52.000.000đ và tiền vay còn nợ 10.000.000đ. Theo biên nhận bà P ký tên ngày 02/3 al là viết trước có thể hiện số lượng thức ăn gia súc gửi bán là 6.604 kg, tiền vay ngày 10/9 là 20.000.000đ của năm 2019, tiền nhà 35.000.000đ. Đến ngày 13/10 al chốt nợ lại, biên nhận thể hiện bà L đã nhận số tiền gửi bán thức ăn là 52.000.000đ và tiền vay còn nợ 10.000.000đ. Như vậy, xác định số tiền sau khi bán thức ăn do vợ chồng ông B, bà L gửi thì vợ chồng ông H, bà P đã thanh toán được 52.000.000đ là phù hợp.

Từ nhận định [5.1] và [5.2] theo yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền mua bán nguyên liệu, thức ăn gia súc đã gửi bán được chấp nhận theo xác nhận của ông H, bà P là 73.000.000đ, ông H, bà P đã thanh toán được 52.000.000đ, còn phải tiếp tục thanh toán cho ông B, bà L số tiền 21.000.000đ. Bà L, ông B yêu cầu ông H, bà P trả số tiền là 32.000.000đ, nhưng Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền 21.000.000đ nên số tiền không được chấp nhận là 11.000.000đ.

[6] Xem xét khoản mua bán giá trị căn nhà xưởng, chế biến thức ăn gia súc: Theo xác định của vợ chồng ông B, bà L sau khi nghỉ kinh doanh ngày 10/01/2020 vợ chồng ông, bà có giao dịch bán nhà xưởng làm cơ sở chế biến nhiên liệu thức ăn gia súc trực tiếp với anh Hà Hoàng M là con của ông H, bà P với giá 75.000.000đ, anh M đã trả số tiền 40.000.000đ, còn nợ là 35.000.000đ, đến nay anh M chưa trả. Sau đó, ông bà có đến gặp anh M để yêu cầu thanh toán nợ còn lại thì bà P đứng ra nhận nợ thay và làm biên nhận vào ngày 02/3 al nên yêu cầu bà P có trách nhiệm trả. Đối với bà P, ông H xác định không giao dịch mua bán với ông B, bà L nên không đồng ý thanh toán.

Đối với anh M xác định, anh là người trực tiếp giao dịch mua bán giá trị căn nhà xưởng với ông B, đúng như ông B trình bày, giá chuyển nhượng là 75.000.000đ, đã trả được 40.000.000đ, còn nợ lại 35.000.000đ. Khi thỏa thuận mua bán, ông B xác định thời gian sử dụng còn lại hơn 03 năm, nhưng anh sử dụng khoảng 02 tháng thì chính quyền địa phương ngăn không cho anh sản xuất cho đến nay, do trước đây ông B sản xuất làm ô nhiễm môi trường. Anh M cho rằng ông B là người vi phạm hợp đồng, muốn gặp để giải quyết. Đồng thời anh M xác định khoản nợ này không liên quan đến ông H, bà P.

Xét thấy, giao dịch trực tiếp mua bán nhà xưởng chế biến thức ăn gia súc là giữa ông B, bà L với anh M, cả hai đều xác nhận số tiền anh M còn nợ lại là 35.000.000đ. Tuy nhiên, hợp đồng mua bán giá trị nhà xưởng có một bên là anh M xác định là đang tranh chấp về thời gian chưa được giải xong. Ông H, bà P thì khước từ trả nợ. Như vậy ông B, bà L yêu cầu ông H, bà P thanh toán số tiền nợ 35.000.000đ là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Ông B, bà L có yêu cầu thì liên hệ với anh M để thỏa thuận giải quyết, trường hợp không thỏa thuận được thì có thể khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[7] Từ nhận định trên, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 77.000.000đ, được Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền 31.000.000đ, không được chấp nhận số tiền là 46.000.000đ (trong đó: tiền gửi bán thức ăn 11.000.000đ; tiền mua bán nhà xưởng 35.000.000đ) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng Điều 274, 275, 357, 430, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;
Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với ông Hà Thanh H, bà Phan Thị P.

Buộc ông Hà Thanh H, bà Phan Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền là số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng). Trong đó: Tiền vay 10.000.000đ và mua bán 21.000.000đ.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, ông H, bà P phải thi hành xong nghĩa vụ trả tiền, nếu không thi hành xong thì còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông H, bà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.550.000đ (chưa nộp).

Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.300.000đ. Vào ngày 04/5/2021 bà L đã dự nộp số tiền 2.113.000đ tại lai số 0011625 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được đối trừ, tiếp tục nộp số tiền 187.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NƠI NHẬN

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA dân sự huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Diệp Chí Nguyễn